

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1109/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 22/09/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thắng
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 363/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/04/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2017/QĐXXST -HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2017/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Chí D, sinh năm: 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 549/45/26, đường X, Khu phố A, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 51/1, đường số A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/04/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Chí D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Chí D và bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 01/2000 ngày 13/01/2000. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2014 rất hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn, không còn tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân đã hơn 02 năm. Nay, ông Dũng nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức thì bà Nguyễn Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 51/1, đường số A, Khu phố B, phường L, quận T, , Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên, hiện đi đâu không rõ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Lê Chí D có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức thì địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M là tại số 51/1, đường số A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Lê Chí D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Chí D và bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn 11, quyển số 01/2000 ngày 13/01/2000. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Dũng và bà Minh là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của ông Lê Chí D tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông và bà Minh tự nguyện kết hôn, cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc nhưng vào năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn, không còn tiếng nói chung và thực tế vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân ông hiện tại xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Minh, hai bên cũng không có bất cứ liên hệ nào với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M. Ông xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án ông không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, về thủ tục sao gửi tài liệu, chứng cứ đã nộp cho Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Vì lý do bận công việc đột ngột nên ông không thể tham gia phiên tòa xét xử, ông xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, ông xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến đã trình bày về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Xét, với trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì hiện tại bà Minh đi đâu không rõ, không thực tế cư ngụ tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, vợ chồng ông Dũng, bà Minh đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và cả hai cũng không có bất cứ liên lạc nào với nhau. Bản thân nguyên đơn ông Lê Chí D cũng xác định tình cảm vợ chồng với bà Minh không còn, vì thực tế vợ chồng không còn sống chung với nhau, vì vậy mà mục đích hôn nhân không thể đạt được. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của ông Lê Chí D.

Vì lý do trên, căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn ông Lê Chí D tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Chí D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Chí D và bà Nguyễn Thị Tuyết M.

1.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn ông Lê Chí D tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Chí D phải chịu 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0015180 ngày 14/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Lê Chí D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Chí D; bà Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên tòa có được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND Phường 26, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang